Women's Participation in Party's Executive Committee at Communal level in 2010 – 2015

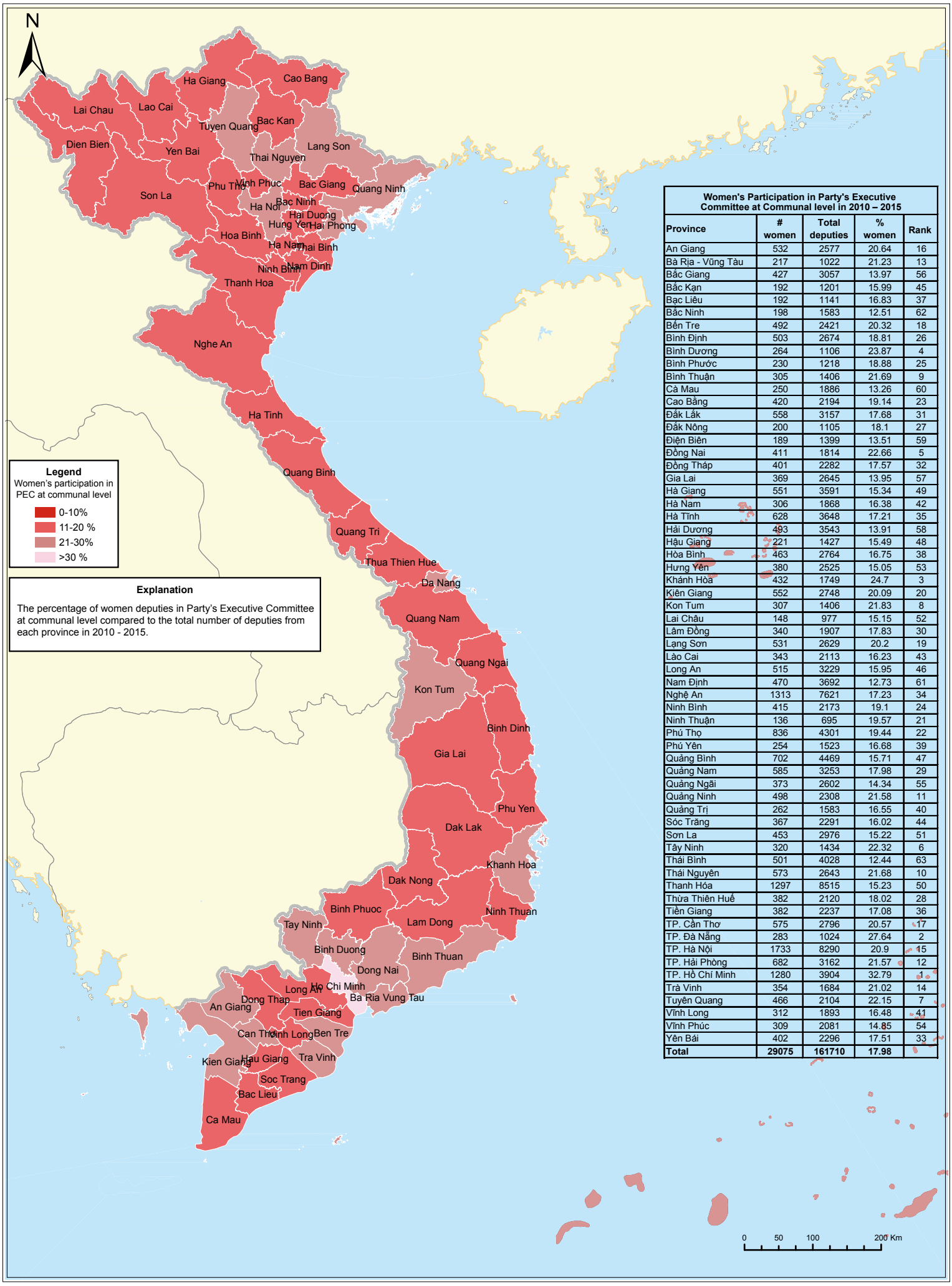

Women's Participation in Party's Executive Committee at Communal level in 2010 – 2015				
Province	**# women**	**Total deputies**	**% women**	**Rank**
An Giang	532	2577	20.64	16
Bà Rịa - Vũng Tàu	217	1022	21.23	13
Bắc Giang	427	3057	13.97	56
Bắc Kạn	192	1201	15.99	45
Bạc Liêu	192	1141	16.83	37
Bắc Ninh	198	1583	12.51	62
Bến Tre	492	2421	20.32	18
Bình Định	503	2674	18.81	26
Bình Dương	264	1106	23.87	4
Bình Phước	230	1218	18.88	25
Bình Thuận	305	1406	21.69	9
Cà Mau	250	1886	13.26	60
Cao Bằng	420	2194	19.14	23
Đắk Lắk	558	3157	17.68	31
Đắk Nông	200	1105	18.1	27
Điện Biên	189	1399	13.51	59
Đồng Nai	411	1814	22.66	5
Đồng Tháp	401	2282	17.57	32
Gia Lai	369	2645	13.95	57
Hà Giang	551	3591	15.34	49
Hà Nam	306	1868	16.38	42
Hà Tĩnh	628	3648	17.21	35
Hải Dương	493	3543	13.91	58
Hậu Giang	221	1427	15.49	48
Hòa Bình	463	2764	16.75	38
Hưng Yên	380	2525	15.05	53
Khánh Hòa	432	1749	24.7	3
Kiên Giang	552	2748	20.09	20
Kon Tum	307	1406	21.83	8
Lai Châu	148	977	15.15	52
Lâm Đồng	340	1907	17.83	30
Lạng Sơn	531	2629	20.2	19
Lào Cai	343	2113	16.23	43
Long An	515	3229	15.95	46
Nam Định	470	3692	12.73	61
Nghệ An	1313	7621	17.23	34
Ninh Bình	415	2173	19.1	24
Ninh Thuận	136	695	19.57	21
Phú Thọ	836	4301	19.44	22
Phú Yên	254	1523	16.68	39
Quảng Bình	702	4469	15.71	47
Quảng Nam	585	3253	17.98	29
Quảng Ngãi	373	2602	14.34	55
Quảng Ninh	498	2308	21.58	11
Quảng Trị	262	1583	16.55	40
Sóc Trăng	367	2291	16.02	44
Sơn La	453	2976	15.22	51
Tây Ninh	320	1434	22.32	6
Thái Bình	501	4028	12.44	63
Thái Nguyên	573	2643	21.68	10
Thanh Hóa	1297	8515	15.23	50
Thừa Thiên Huế	382	2120	18.02	28
Tiền Giang	382	2237	17.08	36
TP. Cần Thơ	575	2796	20.57	17
TP. Đà Nẵng	283	1024	27.64	2
TP. Hà Nội	1733	8290	20.9	15
TP. Hải Phòng	682	3162	21.57	12
TP. Hồ Chí Minh	1280	3904	32.79	1
Trà Vinh	354	1684	21.02	14
Tuyên Quang	466	2104	22.15	7
Vĩnh Long	312	1893	16.48	41
Vĩnh Phúc	309	2081	14.85	54
Yên Bái	402	2296	17.51	33
Total	**29075**	**161710**	**17.98**	